SAFETY JOGGER INDUSTRIAL

Ánh sáng

ECODESERT S1P MID

ECODESERT

Eco Extra Wide S1P Safety Shoes

ECODESERT ###c ch# t#o v#i thân giày tái ch# thoáng khí, mang l#i nhi#u l#i ích h#n v#i chi phí th#p h#n. Giày c# l#ng này mang ##n s# b#o v# #áng tin c#y trong môi tr##ng khô ráo, v#i các tính n#ng bao g#m m#i giày b#ng thép, ## gi#a b#ng thép ch#ng #âm th#ng và ## ngoài ch#ng tr#n tr##t.

Nh#ng v#t li#u cao c#p h#n	v#i tái ch#
l#p lót bên trong	v#i tái ch#
## trong	## x#p SJ
## gi#a	Thép
## ngoài	PU / PU
##ng ##u	Thép
Lo#i	S1 P / SR, FO
Ph#m vi kích th##c	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
tr#ng l##ng thép	0.662 kg
tiêu chu#n hóa	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022

AH6

BLK

KHA

SRC
ch#ng tr##t là m#t trong nh#ng tính n#ng quan tr#ng nh#t c#a giày an toàn và giày b#o h# lao ##ng. ## ch#ng tr##t SRC v##t qua c# bài ki#m tra tr##t SRA và SRB, chúng ###c ki#m tra trên c# b# m#t thép và g#m.

gi#a b#ng thép
gi#a b#ng thép ch#ng #âm th#ng ###c làm b#ng thép không g# ho#c thép ph# và ng#n các v#t s#c nh#n xâm nh#p t# ## ngoài.

M#i giày an toàn b#ng thép
Giá ## b#ng kim lo#i ch#c ch#n ## b#o v# chân ng##i #eo kh#i các v#t th# l#n ho#c r#i.

ch#ng t#nh #i#n
Giày ch#ng t#nh #i#n ng#n ch#n s# phát tri#n c#a #i#n tích t#nh và ##m b#o r#ng chúng ###c th#i ra m#t cách hi#u qu#. #i#n tr# âm l##ng gi#a 100 KiloOhm và 1 GigaOhm

SJ B#T
T#m lót chân ch#ng t#nh #i#n tho#i mái có th# tháo r#i ##m b#o v#a v#n, d#n h##ng và h#p th# s#c t#i #u # gót chân và bàn chân tr##c. Thoáng khí và hút #m.

SJ-3-Fit
v#a v#n t#i #u và s# tho#i mái khi mang b#ng cách #i#u ch#nh ## r#ng c#a giày Safety Jogger theo nhu c#u cá nhân.

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

PLATINUM Top 1% ecovadis Sustainability Rating SEP 2025

Proudly ranked in the top 1% by EcoVadis for sustainability.

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghi#p n:
l#nh v#c ô tô, Xây d#ng, Ngành công nghi#p, h#u c#n

Môi tr##ng:
b# m#t không b#ng ph#ng, môi tr##ng khô

Cac h##ng dân ba#o tri:
kéo dài tu#i th# c#a giày, chúng tôi khuyên b#n nên v# sinh giày th##ng xuyên và b#o v# chúng b#ng các s#n ph#m phù h#p. Không ph#i giày trên lò s##i ho#c g#n ngu#n nhi#t.

	S# miêu t#	##n v# #o l##ng	K#t qu#	EN ISO 20345
Nh#ng v#t li#u cao c#p h#n	**v#i tái ch#**			
	Top: kh# n#ng th#m h#i n##c	mg/cm/gi#	7.1	? 0.8
	Top: h# s# h#i n##c	mg/cm2	57.5	? 15
l#p lót bên trong	**v#i tái ch#**			
	L#p lót: th#m h#i n##c	mg/cm/gi#	10.7	? 2
	lót: h# s# h#i n##c	mg/cm2	87.8	? 20
## trong	**## x#p SJ**			
	##m chân: ch#ng mài mòn (khô/##t) (chu k#)	chu k#	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	25600/12800
## ngoài	**PU / PU**			
	Ch#ng mài mòn ## ngoài (gi#m th# tích)	mm	Relative volume loss:0.9g/ cm^3(Density:0.98)	? 150
	Ch#ng tr##t c# b#n - Ceramic + NaLS - Tr##t gót v# phía tr##c	ma sát	0.48	? 0.31
	Ch#ng tr#n tr##t c# b#n - G#m + NaLS - Tr##t lùi v# phía tr##c	ma sát	0.49	? 0.36
	Ch#ng tr#n tr##t SR - G#m + Glycerin - Tr##t gót phía tr##c	ma sát	0.21	? 0.19
	Ch#ng tr##t SR - G#m + Glycerin - Tr##t ng##c v# phía tr##c	ma sát	0.24	? 0.22
	Giá tr# ch#ng t#nh #i#n	megaohm	26.5	0.1 - 1000
	Giá tr# ESD	megaohm	N/A	0.1 - 100
	H#p th# n#ng l##ng c#a gót chân	J	40	? 20
##ng ##u	**Thép**			
	M#i giày an toàn ch#ng va ##p (kho#ng cách sau va ##p 100J)	mm	N/A	N/A
	N#p m#i ch#ng nén (khe h# sau khi nén 10kN)	mm	N/A	N/A
	M#i giày an toàn ch#ng va ##p (kho#ng cách sau va ##p 200J)	mm	17.5	? 14
	M#i giày an toàn ch#ng nén (kho#ng h# sau khi nén 15kN)	mm	23.0	? 14

kích th##c thép:

Giày c#a chúng tôi không ng#ng phát tri#n, d# li#u k# thu#t trên có th# thay ##i. T#t c# tên s#n ph#m và nhãn hi#u Safety Jogger #ã ###c ##ng ký và không ###c s# d#ng ho#c sao chép d##i b#t k# ##nh d#ng nào mà không có s# cho phép b#ng v#n b#n c#a chúng tôi.